

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HC-PT

Ngày: 24/5/2018

*“V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính về việc thu hồi
giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Biện Văn Hoan;

Các Thẩm phán: - Bà Lê Thị Thanh Thái;
- Ông Nguyễn Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Trần Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 01/2018/HCPT ngày 03/01/2018 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX-PT ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, Quyết định hoãn phiên tòa, triệu tập mở lại phiên tòa số 01/2018/QĐ-PT ngày 10/4/2018 và số 02/2018/QĐ-PT ngày 04/5/2018 của Hội đồng xét xử; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Trần N, sinh năm 1958 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1967: Đều vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Kp4, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Thái T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số 444, đường PVT, kp1, phường TH, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai: Có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Trần Thị Hải Anh – Công ty Luật TNHH MTV An Bình Phương: Có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố PT, tỉnh Bình Thuận;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Ngọc Đ – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố PT;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng K – Phó Chủ tịch: Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt của người đại diện theo pháp luật);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Phạm Thanh T – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố PT: Có mặt.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố PT;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh T – Trưởng phòng: Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường P thành phố Phan Thiết:

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Ngọc H – Chủ tịch, Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền ông Võ Thanh L, công chức địa chính, Có mặt.

3. Bà Trần Thị S, sinh năm 1941; trú tại: Kp5, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Hữu S, sinh 1966, trú tại Kp5, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân thành phố PT tỉnh Bình Thuận – là Người bị kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người khởi kiện Trần N và Huỳnh Thị H trình bày:

Vào ngày 06/3/2008 vợ chồng ông Trần N, bà Huỳnh Thị H có nhận chuyển nhượng hợp pháp của vợ chồng ông Nguyễn Hữu T bà Trần Thị Ngọc T diện tích 1939,4 m² đất thuộc thửa 30 tờ bản đồ 17 tọa lạc tại kp5, phường P, thành phố P. Vợ chồng ông đã giao đủ tiền và nhận đất canh tác từ năm 2008. Ngày 11/4/2008 UBND thành phố PT đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 công nhận quyền sử dụng cho vợ chồng ông N, bà H.

Năm 2012 Tòa án nhân dân thành phố PT, thụ lý lại vụ án tranh chấp vườn đào giữa nguyên đơn bà Trần Thị S và bị đơn ông Nguyễn Hữu T để xét xử lại sơ thẩm vụ án (do các bản án sơ thẩm, phúc thẩm trước đó đã bị quyết định tái thẩm của Tòa án nhân dân tối cao hủy). Tòa án đưa ông Trần N và bà Huỳnh Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vì đất ông nằm trong tổng diện tích 6.526 m² đất bà Trần Thị S tranh chấp với ông Nguyễn Hữu T. Vào ngày 27/4/2015 khi tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, ông

được Tòa án cho biết ngày 26/12/2013 UBND thành phố PT đã ban hành Quyết định số 7507/QĐ-UBND “Về việc thu hồi quyết định số 3041/QĐ-UBND và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 cấp ngày 7/4/2008 của UBND thành phố PT cấp cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H...”.

Ông Trần N và bà Huỳnh Thị H nhận thấy, Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 (nói trên) của UBND thành phố PT đã ban hành cách nay 02 năm nhưng vẫn không giao quyết định cho vợ chồng ông; đồng thời quyết định này ban hành không có cơ sở pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Vì vậy ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 7507/QĐ- UBND ngày 26/12/2013 của UBND thành phố PT.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố PT trình bày:

Theo bản án phúc thẩm số 31/DSPT ngày 23/8/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử vụ kiện tranh chấp đất đai giữa bà Trần Thị S với vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T thì thửa đất số 30, tờ bản đồ số 17, diện tích 6.486m² thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T. Do vậy căn cứ khoản 5 Điều 50 của luật đất đai năm 2003, UBND thành phố PT đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 807807 cho ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T đối với thửa đất này.

Ngày 06/3/2008, vợ chồng ông Nguyễn Hữu T lập hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H diện tích 1.939,4m² thuộc thửa đất số 159 (tách ra từ thửa số 30), tờ bản đồ số 17. Do vậy Ủy ban nhân dân thành phố PT đã ban hành Quyết định số 3041/QĐ-UBND ngày 07/4/2008 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 ngày 07/4/2008 đối với thửa đất này (thửa số 159 - tách ra từ thửa số 30, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.939,4m²) cho vợ chồng ông Trần N và bà Huỳnh Thị H.

Ngày 21/6/2012, Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định tái thẩm số 05/2012/DS-TT hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 12/DSST ngày 08/6/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết và bản án phúc thẩm số 31/DS-PT ngày 28/3/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử lại vụ kiện tranh chấp đất giữa bà Trần Thị S với vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T.

Trên cơ sở bản án phúc thẩm số 31/DS-PT Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị hủy, UBND thành phố PT đã giao cho thanh tra thành phố PT thẩm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 đã cấp cho ông Trần N, bà Huỳnh Thị H theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

Căn cứ kết luận của Thanh tra thành phố cho thấy: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 ngày 07/4/2008 cấp cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 807807 ngày 6/7/2005. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 807807 ngày 6/7/2005 của vợ chồng ông

Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T được cấp theo bản án phúc thẩm số 31/DS-PT ngày 28/3/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận. Nay bản án phúc thẩm số 31/DS-PT này đã bị hủy theo quyết định tái thẩm số 05/2012/DS-TT ngày 21/6/2012 của Tòa án nhân dân tối cao, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 807807 ngày 6/7/2005 đã cấp cho ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T cũng đã bị thu hồi. Thanh tra thành phố PT kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố PT thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 ngày 07/4/2008 do Ủy ban nhân dân thành phố PT đã cấp cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H. Do vậy Ủy ban nhân dân thành phố PT đã ban hành Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 về việc thu hồi Quyết định số 3041/QĐ-UBND và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 ngày 07/4/2008 do UBND thành phố PT đã cấp cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố PT ban hành quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 về thu hồi Quyết định số 3041/QĐ-UBND và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 ngày 07/4/2008 do UBND thành phố PT cấp cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H là đúng quy định pháp luật. Do vậy đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần N và bà Huỳnh Thị H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (đại diện Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố PT) trình bày:

Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố PT được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho việc: Giao quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 “Về việc thu hồi quyết định số 3041/QĐ-UBND và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 ngày 07/4/2008 của UBND thành phố PT...” cho vợ chồng ông Trần N và bà Huỳnh Thị H. Phòng đã có giấy mời số 05/GM-TNMT ngày 18/3/2014, mời ông Trần N và bà Huỳnh Thị H có mặt tại Phòng Tài nguyên môi trường thành phố PT vào lúc 9h30’ ngày 21/3/2014 để nhận quyết định số 7507/QĐ-UBND (nói trên). Chờ đến 11h00 cùng ngày, Trần N và bà Huỳnh Thị H không đến, nên Phòng đã lập biên bản về việc Trần N và bà Huỳnh Thị H không đến nhận quyết định theo giấy mời; chứ không phải Phòng không giao quyết định cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Đại diện Ủy ban nhân dân phường P) trình bày: Ủy ban nhân dân phường P thành phố Phan Thiết đã gửi giấy mời số 05/GM-TN&MT ngày 18/3/2014 của Phòng Tài Nguyên Môi trường thành phố PT đến hộ ông Trần N và bà Huỳnh Thị H để đúng 9 giờ 30 phút ngày 21/3/2014 có mặt tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố PT nhận Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013, nhưng vợ chồng ông Trần N và bà Huỳnh Thị H không đến nhận.

Tại bản án Hành chính sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã quyết định:

Áp dụng: khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 118; Điều 119 Luật tổ tụng hành chính 2015;

Khoản 1 Điều 95, khoản 1 Điều 97 Luật Đất đai 2013;

Điều 138; 258; 169; 691 và Điều 692 Bộ luật dân sự 2005;

Điều 25 Nghị định nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần N và bà Huỳnh Thị H

- Hủy Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND thành phố PT về việc thu hồi quyết định số 3041/QĐ-UBND và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 ngày 07/4/2008 của UBND thành phố PT cấp cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H, thường trú tại kp4, phường P, thành phố Phan Thiết.

Về án phí: UBND thành phố PT nộp 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần N số tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006616 ngày 21/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 25/10/2017, Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố PT có đơn kháng cáo “yêu cầu hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm” số 06/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 (nói trên) của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết. Ngày 27/4/2018, Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết có đơn xin thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm “sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện” của người khởi kiện Trần N và bà Huỳnh Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người bị kiện đã kháng cáo có đơn xin được xét xử vắng mặt, Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Trần N và bà Huỳnh Thị H.

Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Việc ông Trần N và bà Huỳnh Thị H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T là hoàn toàn hợp pháp và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 đối với thửa đất số 159 (tách từ thửa số 30), tờ bản đồ số 17, diện tích 1.939,4m² theo quyết định số 3041/QĐ- UBND ngày 07/4/2008 của UBND thành phố PT. Quyết định tái

thẩm số 05/2012/DS-TT ngày 21/6/2012, Tòa dân sự - Tòa án nhân dân tối cao chỉ hủy cả bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết và bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh (đã xét xử vụ án tranh chấp 6526 m² đất giữa bà Trần Thị S và vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T), giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân Phan Thiết xét xử lại mở phiên tòa xét xử tái thẩm vụ án trên. Đến thời điểm 2013, khi các cấp Tòa án chưa xét xử lại vụ án, chưa quyết định thửa đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ai; mà Ủy ban nhân dân thành phố PT đã ban hành Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần N và bà Huỳnh Thị H là không đúng quy định của pháp luật; bởi: Khoản 3 Điều 25 của Nghị định 88/2009/NĐ-CP đã quy định “Việc thu hồi giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp không thuộc quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP và khoản 2 Điều này chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực thi hành”. Bản án sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần N và bà Huỳnh Thị H, hủy Quyết định Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND thành phố PT là có căn cứ. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố PT, giữ y bản án sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà Trần Thị S) được Tòa án triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay trình bày: Việc Tòa án nhân dân TP. Phan Thiết tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần N và bà Huỳnh Thị H. Hủy Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND thành phố PT về việc thu hồi quyết định số 3041/QĐ-UBND và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 ngày 07/4/2008 của UBND thành phố PT cấp cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H, thường trú tại khu phố 4, phường P, thành phố Phan Thiết là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị S. Bởi lẽ quyền sử dụng đối với diện tích 6526 m² (trong đó có 1.939,4m² vợ chồng ông Trần N và bà Huỳnh Thị H trước đây đã được cấp Giấy chứng nhận số AM 087791 ngày 07/4/2008) được Tòa án công nhận cho bà Trần Thị S tại các bản án số 09/2015/DSST ngày 27/4/2015, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết và tại bản án phúc thẩm số 142/2015/DSST ngày 24/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đang có hiệu lực pháp luật. Bản thân bà Trần Thị S cũng đã được Ủy ban nhân dân thành phố PT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 413615, ngày 14/02/2017 đối với diện tích 6526 m² này và cũng là người thực tế đã và đang sử dụng diện tích đất này. Bản án số 142/2015/DSST ngày 24/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận cũng đã bác yêu cầu của ông Trần N và bà Huỳnh Thị H về việc yêu cầu được sử dụng 1.939,4m² đất đã nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T và giải quyết quyền lợi giữa các bên (ông Trần N và bà Huỳnh Thị H và ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T). Vì vậy bà Trần Thị S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần N và bà Huỳnh Thị H.

Phát biểu sau tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận xác định: Ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận cho rằng: Thửa đất số 30 tờ bản đồ số 17 có diện tích 6.526m² trước đây được Ủy ban nhân dân thành phố PT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T trên cơ sở bản án dân sự phúc thẩm số 31/DSPT ngày 28/3/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận. Sau đó ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T chuyển nhượng một phần diện tích là 1.939,4m² cho vợ chồng ông Trần N; vợ chồng ông Trần N và bà Huỳnh Thị H cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, do bản án dân sự phúc thẩm số 31/DSPT này đã bị hủy bởi Quyết định tái thẩm của Tòa án nhân dân tối cao; cho nên Ủy ban nhân dân thành phố PT đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T. Hiện nay, đã có bản án dân sự phúc thẩm khác đang có hiệu lực pháp luật (số 142/2015 ngày 24/12/2015) tuyên xử xác định bà Trần Thị S là người có quyền sử dụng đất đối với diện tích 6.526m² này. Bà Trần Thị S cũng đã được Ủy ban nhân dân thành phố PT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cho nên không thể tồn tại một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khác đối với toàn bộ hoặc một phần trong diện tích đất thuộc quyền sử dụng của Trần Thị S. Trình tự, thủ tục thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với vợ chồng ông Trần N, bà Huỳnh Thị H đúng theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 88/2009NĐ-CP của Chính Phủ. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố PT, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần N, bà Huỳnh Thị H.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ở giai đoạn sơ thẩm, tại văn bản số 4907/UBND-TCD ngày 21/9/2016, Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố PT cho rằng Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 đã được Ủy ban nhân dân thành phố PT giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân Phường P thành phố Phan Thiết phối hợp để giao cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H, nhưng ông Trần N và bà Huỳnh Thị H không đến nhận. Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân Phường P thành phố Phan Thiết cũng đều có văn bản khẳng định là đã gửi Giấy mời số 05/GM-TNMT cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H đến nhận quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND thành phố PT nhưng ông Trần N và bà Huỳnh Thị H không đến nhận, chứ không phải là không giao quyết định cho ông N và bà H. Tuy nhiên, cả Ủy ban nhân dân thành phố PT,

Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố PT và Ủy ban nhân dân Phường P đều không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình là Giấy mời số 05/GM-TNMT ngày ngày 18/3/2014 của Phòng Tài Nguyên Môi trường hoặc quyết định số 7507/QĐ-UBND 26/12/2013 của UBND thành phố PT đã được giao đến tay ông N, bà H. Do vậy đủ căn cứ để kết luận Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND thành phố PT “Về việc thu hồi quyết định số 3041/QĐ-UBND và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 cấp ngày 7/4/2008 của UBND thành phố PT cấp cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H...” chưa được giao cho ông N, bà H. Ông Trần N và bà Huỳnh Thị H chỉ biết được quyết định này khi tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án dân sự (với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) giữa bà Trần Thị S và ông Nguyễn Hữu T tại Tòa án nhân dân thành phố PT vào ngày 27/4/2015. Ngày 14/01/2016, ông N và bà H làm đơn khởi kiện đối với Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND thành phố PT (nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết vào ngày 15/01/2016) là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tố tụng hành chính năm 2010. Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 29 Luật tố tụng hành chính năm 2010 và khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc Hội “Về việc thi hành Luật tố tụng hành chính” năm 2015.

[2] Xét về tính hợp lệ đối với đơn kháng cáo, đơn xin thay đổi nội dung kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố PT, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố PT vắng mặt có lý do chính đáng. Sau khi tuyên án, ngày 11/10/2017 Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết mới tổng đạt bản án sơ thẩm cho người bị kiện. Ngày 25/10/2017, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố PT làm đơn kháng cáo nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết. Do đó kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết là kháng cáo trong thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (từ sau đây gọi tắt là Luật Tố tụng hành chính). Hình thức và nội dung đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố PT cũng phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 205 Luật Tố tụng hành chính. Cho nên kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố PT đối với bản án sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết là hợp lệ.

Theo đơn kháng cáo ngày 25/10/2017 thì Ủy ban nhân dân thành phố PT thì đã “kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm”. Theo đơn xin thay đổi nội dung kháng cáo ngày 27/4/2018 thì Ủy ban nhân dân thành phố PT chỉ yêu cầu “sửa bản án sơ thẩm...”. Như vậy, tính đến ngày 27/4/2018 mặc dù thời hạn kháng cáo đã hết, nhưng do nội dung thay đổi kháng cáo không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Cho nên theo quy định tại khoản 2 Điều 218 Luật tố tụng hành chính thì đơn xin thay đổi nội dung kháng cáo ngày 27/4/2018 và yêu cầu thay đổi nội dung kháng cáo tại phiên tòa hôm nay của Ủy ban nhân dân

thành phố PT cũng hợp lệ và được xem xét để xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc phẩm.

[3] Xét kháng cáo của người bị kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[3.1] Vào năm 2002, bà Trần Thị S khởi kiện tranh chấp diện tích đất 6.526m² (đất trồng đào) thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khu phố 5, phường P, thành phố Phan Thiết với vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Trần Thị Ngọc T. Ngày 08/6/2004, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án số 12/DSST, Tòa án nhân dân Phan Thiết xử buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, Trần Thị Ngọc T trả lại 6.526m² đất vườn đào cho bà Trần Thị S. Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ông T và bà T kháng cáo.

Ngày 28/3/2005, TAND tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm vụ án trên. Tại bản án số 31/DSPT, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã sửa bản án sơ thẩm số 12/DSST, bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S. Tuyên giao 6.526m² đất vườn đào cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Trần Thị Ngọc T quản lý sử dụng. Thực hiện bản án dân sự phúc thẩm số 31/DSPT ngày 28/3/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận; ngày 06/7/2005, Chủ tịch UBND thành phố PT ban hành Quyết định số 8357 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 807807 cho ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T đối với diện tích đất 6.486m² (theo đo đạc thực địa), thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khu phố 5, phường P, thành phố Phan Thiết.

Ngày 06/3/2008, vợ chồng ông Nguyễn Hữu T chuyển nhượng một phần diện tích là 1.939,4m² (trong tổng diện tích diện tích đất 6.486m² (theo đo đạc thực địa), thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khu phố 5, phường P, TP. Phan Thiết.) cho ông Trần N. Ngày 11/4/2008, vợ chồng ông Trần N được UBND thành phố PT cấp giấy chứng nhận QSD đất số AM 087791 đối với diện tích đất nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hữu T.

Ngày 05/3/2012, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có quyết định số 59/2012/KNTT-DS kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với bản án số 31/DSPT ngày 28/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận. Ngày 21/6/2012, Tòa dân sự - TAND tối cao mở phiên tòa xét xử tái thẩm vụ án trên. Tại Quyết định tái thẩm số 05/2012/DS-TT, đã tuyên hủy cả bản án dân sự phúc thẩm số 31/DSPT ngày 28/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận và bản án dân sự sơ thẩm số 12/DSST ngày 08/6/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm lại.

Ngày 26/12/2013, UBND thành phố PT ban hành Quyết định số 7507/QĐ-UBND về việc thu hồi Quyết định số 3041/QĐ-UBND và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 ngày 07/4/2008 do UBND thành phố PT cấp cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H.

Ngày 27/4/2015, Tòa án Phan Thiết mở phiên tòa dân sự xét xử lại vụ án tranh chấp đất giữa bà S và ông T. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2015/DSST, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S,

buộc ông Nguyễn Hữu T trả lại 6.526m² đất vườn đào cho bà S. Không đồng ý với bản án số 09/2015/DSST, ông Nguyễn Hữu T, bà Trần Thị Ngọc T, ông Trần N, bà Huỳnh Thị H, ông Phạm Đăng P và bà Trần Thị Uyên L đã kháng cáo.

Ngày 24/12/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm lại vụ án bằng bản án dân sự phúc thẩm số 142/2015/DSPT, đã quyết định: “Xác định thửa đất số 30 tờ bản đồ số 17 (theo đề án 920 thửa đất mang số 33, tờ bản đồ số 49) diện tích 6.526m² tọa lạc tại khu phố 5, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị S. Buộc ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T phải trả lại diện tích đất 6.526m² đất trồng đào ở khu phố 5, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cho bà Trần Thị S (theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 02/7/1998, số hiệu thửa đất 30, tờ bản đồ địa chính số 17 (theo đề án 920 thửa đất mang số 33, tờ bản đồ số 49), số hiệu mảnh bản đồ gốc 212515-9”. Bản án phúc thẩm số 142/2015/DSPT cũng đã giải quyết quyền lợi, nghĩa vụ giữa vợ chồng ông Nc, bà H và vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T trong việc sang nhượng 1.939,4m² đất nằm trong tổng diện tích 6.526m² mà Tòa án đã quyết định thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị S. Sau khi có bản án dân sự phúc thẩm số 142/2015/DSPT, bà Trần Thị S đã được Ủy ban nhân dân thành phố PT cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất 6.526m² nói trên (số CG 413615, ngày 14/02/2017).

[3.2] Theo quy định tại Khoản 1 Điều 97 Luật đất đai 2013 thì “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... được cấp cho người có quyền sử dụng đất...”. Bà Trần Thị S là người có quyền sử dụng toàn bộ diện tích 6.526m² tọa lạc tại khu phố 5, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (theo bản án đang có hiệu lực pháp luật số 142/2015/DSPT ngày 24/12/2015 là thửa số 30, tờ bản đồ số 17, theo đề án 920 là thửa số 33 tờ bản đồ số 49; hiện nay theo dự án 920 đã được nghiệm thu là thửa số 33 tờ bản đồ số 10). Bà S cũng đã được Ủy ban nhân dân thành phố PT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 6.526m² này (số CG 413615, ngày 14/02/2017). Vợ chồng ông Trần N và bà Huỳnh Thị H không có quyền sử dụng đối với một phần diện tích 1939,4 m² đất nằm trong tổng thể diện tích 6.526m² thuộc quyền sử dụng của bà S. Cho nên pháp luật không cho phép việc tồn tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần N và bà Huỳnh Thị H (số AM 087791 ngày 11/4/2008) đối với diện tích 1939,4 m² đất nằm trong tổng thể diện tích 6.526m² đất thuộc quyền sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị S.

[3.3] Sau khi có Quyết định tái thẩm số 05/2012/DS-TT, ngày 21/6/2012 của Tòa dân sự Tòa án nhân dân Tối cao (hủy cả bản án dân sự phúc thẩm số 31/DSPT ngày 28/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận và bản án dân sự sơ thẩm số 12/DSST ngày 08/6/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm lại); Ủy ban nhân dân thành phố PT đã căn cứ vào kết luận, kiến nghị của Thanh tra thành phố PT để ban hành Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 “Về việc thu hồi quyết định số 3041/QĐ-UBND và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 ngày 07/4/2008 của UBND thành phố PT cấp cho ông Trần N và bà

Huỳnh Thị H...”. Xét về trình tự thì việc Ủy ban nhân dân thành phố PT căn cứ vào kết luận, kiến nghị của Thanh tra thành phố PT để ban hành Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 là phù hợp với trình tự quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ. Xét về nội dung thì: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 ngày 07/4/2008 đã cấp cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H là do ông N, bà H nhận chuyển nhượng đất từ vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, Trần Thị Ngọc T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 807807 ngày 6/7/2005. Nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 807807 ngày 6/7/2005 của ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Ngọc T cũng đã bị thu hồi theo Quyết định đã có hiệu lực số 1876/QĐ-UBND ngày 16/3/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố PT. Mặt khác, tại thời điểm Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm vụ án hành chính này (ngày 21/9/2017) thì đã có bản án có hiệu lực của Tòa án (số 142/2015/DSPT ngày 24/12/2015) quyết định số phạt pháp lý đối với diện tích 6.526m² đất trước đó tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà Trần Thị S. Bà S cũng đã được Ủy ban nhân dân thành phố PT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (số CG 413615, ngày 14/02/2017). Cho nên mọi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không phải đứng tên bà Trần Thị S đối với toàn bộ hoặc một phần diện tích trong tổng số diện tích 6.526m² đất này (trong đó có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 ngày 07/4/2008 do UBND thành phố PT đã cấp cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H) đều không được phép tồn tại mà phải bị phải thu hồi.

[3.4] Tại phiên tòa hôm nay, tranh luận với Người bảo vệ quyền lợi của Ủy ban nhân dân thành phố PT (là người kháng cáo), Người đại diện theo ủy quyền và Luật sư bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện cho rằng: khoản 3 Điều 25 của Nghị định 88/2009/NĐ-CP đã quy định “Việc thu hồi giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp không thuộc quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP và khoản 2 Điều này chỉ được thực hiện khi có bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực thi hành”. Cho nên Ủy ban nhân dân thành phố PT chỉ được thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho vợ chồng ông Trần N, bà Huỳnh Thị H sau khi đã có bản án có hiệu lực của Tòa án về việc giải quyết 6.526m² đất trước đó tranh chấp. Lập luận này của Luật sư bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện là chưa phù hợp, bởi lẽ Ủy ban nhân dân thành phố PT đã ban hành quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông Trần N, bà Huỳnh Thị H là dựa trên kết luận, kiến nghị của Thanh tra thành phố PT theo trình tự quy định tại điểm a khoản 2 Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP của Chính phủ và đã thực hiện đúng trình tự theo quy định này. Ngoài ra, như đã nhận định trên, hiện tại bà Trần Thị S là người có quyền sử dụng đất, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 6.526m² đất theo quyết định của bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật số 142/2015/DSPT ngày 24/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 17 nói trên (nay theo dự án 920 đã được nghiệm thu là thửa số 33 tờ bản đồ số 10); nên không thể tồn tại thêm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người nào khác trên đất thuộc

quyền sử dụng của bà S. Do vậy đề nghị của người đại diện theo ủy quyền và Luật sư bảo vệ quyền lợi của người khởi kiện về việc bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố PT để giữ y bản án sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.5] Như đã nhận định trên, Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần N và bà Huỳnh Thị H, hủy định Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 “Về việc thu hồi quyết định số 3041/QĐ-UBND và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 ngày 07/4/2008 của UBND thành phố Phan Thiết cấp cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H...” là đã quyết định không đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết cũng chưa thu thập bản sao bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực số 142/2015/DSPT ngày 24/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (chỉ có bản Photô), bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 413615, ngày 14/02/2017 mà Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết đã cấp cho bà Trần Thị S và chưa đưa bà Trần Thị S vào tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót. Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục, bổ sung đầy đủ các thiếu sót này của Tòa án cấp sơ thẩm. Bởi vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần phải chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết, sửa bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần N, bà Huỳnh Thị H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm – theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm, tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm và nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm:

Do kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố PT được chấp nhận, cho nên theo quy định tại khoản 2 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính, Ủy ban nhân dân thành phố PT không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020091 ngày 27/10/2017 được hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thành phố PT.

Do bản án sơ thẩm bị sửa theo hướng không chấp nhận khởi kiện của người khởi kiện, cho nên theo quy định tại Điều 348, khoản 2 Điều 349 Luật tố tụng hành chính; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, ông Trần N và bà Huỳnh Thị H phải nộp 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006616 ngày 21/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 241, Điều 30, Điều 31, Điều 348, khoản 2 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010; Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc Hội “Về việc thi hành Luật tổ tụng hành chính”; Khoản 2 Điều 34, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”; Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

+ Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố PT đối với bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết;

+ Sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 06/2017/HC-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần N và bà Huỳnh Thị H về việc “Yêu cầu hủy Quyết định số 7507/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND thành phố PT về việc thu hồi quyết định số 3041/QĐ-UBND và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 087791 ngày 07/4/2008 của UBND thành phố PT cấp cho ông Trần N và bà Huỳnh Thị H, thường trú tại khu phố 4, phường P, thành phố Phan Thiết”.

+ Về án phí hành chính:

- Buộc ông Trần N và bà Huỳnh Thị H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (200.000đ) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006616 ngày 21/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết – tỉnh Bình Thuận.

- Ủy ban nhân dân thành phố PT không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thành phố PT số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020091 ngày 27/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết tỉnh Bình Thuận.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24/5/2017.

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Biện Văn Hoan